

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
TP. Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/ST-KDTM

Ngày: 28-8-2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hoan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Dũng
Ông Huỳnh Bá Tiến

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, TP. Đ.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N Tp Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2020 Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST- KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty C**

Địa chỉ: Số 53 đường T, quận C, TP. Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn L – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phước N – Chức vụ Phó phòng kinh doanh (theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020) – Ông N có mặt.

*** Bị đơn: Công ty TNHH K**

Địa chỉ: Số 44 A 17, quận N, TP. Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc T – Chức vụ Giám đốc - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2020, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 03/12/2015, Công ty C ký hợp đồng mua bán số 142/2015/HĐMB với Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K) để cung cấp bê tông cho công trình khách sạn tại 44 Khu A 17, phường M, quận N, TP. Đ. Sau khi đã giao bê tông cho Công ty K theo từng đợt với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và các bên đã xuất hóa đơn tài chính với từng đợt giao hàng. Theo số liệu thể hiện tại bản đối chiếu công nợ ngày 01/4/2018 đến ngày 29/2/2020 Công ty K còn nợ Công ty C 14.120.000đ. Nay Công ty C yêu cầu Công ty TNHH K phải trả số tiền 16.238.000đ (*Mười sáu triệu*

hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) trong đó tiền nợ gốc: 14.120.000đ (Mười bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh chậm thanh toán tạm tính từ tháng 6/2018 đến thời điểm xét xử là 2.118.000đ (Hai triệu một trăm mười tám nghìn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho Công ty TNHH K Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH K vẫn cố tình né tránh, không cung cấp lời khai, không tham gia các phiên hòa giải. Do đó, Tòa án không biết được quan điểm của Công ty TNHH K đối với yêu cầu của nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là tranh chấp Kinh doanh Thương mại về: “ *Hợp đồng mua bán hàng hóa* ” được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đại diện Công ty TNHH K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH K theo thủ tục chung. Công ty TNHH K phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung tranh chấp : Vào ngày 03/12/2015, Công ty C ký hợp đồng 142/2015/HĐMB với Công ty TNHH K để cung cấp bê tông cho công trình khách sạn tại 44 Khu A 17, phường M, quận N, TP. Đ. Sau khi đã giao bê tông cho Công ty K theo từng đợt với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và các bên đã xuất hóa đơn tài chính với từng đợt giao hàng. Hiện nay, Công ty K còn nợ Công ty C 14.120.000đ.

Nay Công ty C yêu cầu Công ty TNHH K phải trả số tiền 16.238.000đ (Mười sáu triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) trong đó tiền nợ gốc: 14.120.000đ (Mười bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh chậm thanh toán tạm tính từ tháng 6/2018 đến thời điểm xét xử là 2.118.000đ (Hai triệu một trăm mười tám nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho Công ty TNHH K Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty K vẫn cố tình né tránh, không cung cấp lời khai, không tham gia các phiên hòa giải. Do đó, Tòa án không biết được quan điểm của Công ty TNHH K đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc Công ty K còn thiếu Công ty C số tiền nợ gốc là 16.238.000đ và việc tính số tiền lãi 2.118.000đ đến thời điểm xét xử là thỏa đáng.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C , cần tuyên buộc Công ty K phải có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền 16.238.000đ (Mười sáu triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng). Trong đó: tiền nợ gốc:

14.120.000đ (Mười bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh chậm thanh toán tạm tính từ tháng 6/2018 đến thời điểm xét xử là 2.118.000đ (Hai triệu một trăm mười tám nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của công ty Công ty C được HĐXX chấp nhận nên Công ty K phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là $16.238.000đ \times 5\% = 811.900đ$

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty TNHH K.

Tuyên xử:

[1] Buộc Công ty TNHH K phải trả cho Công ty C số tiền 16.238.000đ (Mười sáu triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc: 14.120.000đ (Mười bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh chậm thanh toán tạm tính từ tháng 6/2018 đến thời điểm xét xử là 2.118.000đ (Hai triệu một trăm mười tám nghìn đồng).

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: 811.900đ Công ty TNHH K phải chịu.

- Hoàn trả lại cho Công ty C 405.950đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09866 ngày 27/4/2020 tại Chi cục Thi hành án quận N, TP Đ.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND QN;
- Chi cục THADS quận N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Hoan

Nơi nhận:
THẨM

- VKSND QNH Sơn;
- TÒA**
- Chi cục THADS quận NH Sơn;
 - Những người tham gia tố tụng;
 - Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Công Hoan